

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-PT

Ngày 13 - 9 - 2023

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Toàn

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2023/TLPT - DS ngày 11/8/2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXPT - DS ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh GAL

Địa chỉ: Tổ 02, phường SP, TXSP, TLC. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông TMH- Địa chỉ: Số nhà 007, đường Tân Thuật, tổ 22, phường CL, TPLC, TLC Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông BĐI

Địa chỉ: Tổ 01, phường SP, TXSP, TLC. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà LTH - Địa chỉ: Tổ 01, phường SP, TXSP, TLC. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị TTM- Địa chỉ: Tổ 01,phường SP,TXSP,TLC. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông BDI

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh GAL, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh TMH trình bày:

Hộ gia đình anh GAL và chị TTM có mảnh đất khoảng 330m² tại tổ 2,phường SP,TXSP,TLC, nguồn gốc đất là do bố đẻ anh là ông GAS khai phá và sử dụng ổn định, đến năm 2004 thì cho a L. Từ khi được tặng cho a L đã sử dụng ổn định liên tục đến nay. Năm 2015 gia đình đã kê khai và được nhà nước đo đạc địa chính. Năm 2018 nhà nước nghiệm thu bản đồ, thửa đất nêu trên đã được quy chủ cho a L tại thửa số 250 tờ bản đồ số DC 18, loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Cuối năm 2021 gia đình a L chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác, thì bị gia đình ông BDI và bà LTH ngăn cản, không ký hộ giáp ranh, nên xảy ra tranh chấp. Ông BDI đã đề nghị UBND phường SP hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, a L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc gia đình ông BDI phải chấm dứt tranh chấp và hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 250 tờ bản đồ số 18 có diện tích 427,4 m² tại tổ 2,phường SP,TXSP,TLC, có tứ cận và tọa độ như kết quả xem xét tại chỗ ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn ông BDI và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTH đều trình bày:

Năm 1993 gia đình ông BDI và bà LTH khai phá và sử dụng diện tích đất có chiều dài theo mặt đường quốc lộ 4D khoảng gần 300m, tính từ đường vào kho Lâm trường cũ theo hướng Sa Pa đi Lào Cai, chiều sâu từ hành lang đường quốc lộ 4D về phía ta lỵ âm điểm sâu nhất khoảng gần 100m, ngắn nhất khoảng 30m. Quá trình sử dụng đất năm 1996 đã được UBND xã SP xác nhận, tổng diện tích đất khoảng gần 05ha, gia đình ông đã trồng ngô, đào và đào hào từ đường quốc lộ xuống nương nước làm ranh giới. Năm 2000 xã SP thu lại khoảng 5000m² đất của gia đình ông cho xã mượn trồng ngô được khoảng 02 năm thì bỏ hoang. Năm 2006 ông GAS (bố GAL) đã tự ý làm nhà lên khu đất mà UBND xã SP thu hồi của gia đình ông cho xã đoàn mượn, ông đã nhiều lần đề nghị đến UBND xã SP nhưng không được giải quyết. Một thời gian sau a L cũng làm nhà diện tích đất mà xã SP thu hồi của gia đình ông, thửa đất này một mặt giáp hành lang đường quốc lộ 4D, một mặt giáp đất ô S đã làm nhà và a L còn lấn chiếm một phần đất của gia đình ông để trồng rau, làm lán để củi. Gia đình ông I đã nhiều lần yêu cầu trả lại đất nhưng gia đình a L không trả. Năm 2021 gia đình a L đã bán diện tích đất của gia đình ông cho vợ chồng chị VTT - Trú tại: Tổ 1, phường SP,TXSP,TLC. Vì vậy, ông I đã làm đơn đề nghị UBND phường SP giải quyết tranh chấp nhưng hai bên không thỏa thuận được với nhau. Mặt khác do ông không ký xác nhận của hộ giáp ranh, nên chị T không làm thủ tục

chuyển nhượng được nên a L khởi kiện ông. Vì vậy, ông I và bà H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTM trình bày:

Chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh GAL

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 100; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013 và các Điều 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh GAL.

2. Xác nhận diện tích đất 427,4 m² là loại đất trồng cây lâu năm (CLN) theo kết quả đo đạc ngày 11/01/2023, địa chỉ thửa đất tại tổ 2, phường SP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình anh GAL và chị TTM.

Buộc ông BĐI và bà LTH chấm dứt việc tranh chấp, cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với toàn bộ diện tích đất 427,4m² nêu trên.

Hộ gia đình anh GAL và chị TTM có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên cụ thể về tứ cận của thửa đất, về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự

Ngày 14/7/2023, Bị đơn ông BĐI kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, xét xử công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông NĐI, vợ là bà LTH và buộc ông GAL phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình ông I. Ngoài ra ông I còn đề nghị công nhận diện tích đất khoảng 5ha như đã được UBND xã SP (cũ) xác nhận thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông GAL giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn ông NĐI giữ nguyên nội dung kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 308 khoản 2 BLTTDS sửa Bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST Ngày 04/7/2023 của TAND thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai theo hướng: Tuyên buộc ông BĐI và bà LTH chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng thửa đất có diện tích 427,4 m² địa chỉ: Tại tổ 2, phường SP, TXSP, TLC của anh GAL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng. Tại phiên phúc thẩm nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 228 tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo bị đơn ông BĐI có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong thời hạn luật định là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông NĐI:

[3.1] Việc công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho gia đình ông NĐI, vợ là bà LTH và buộc ông GAL phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình ông I.

[3.1.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Ông BĐI và bà LTH cho rằng thửa đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đất do gia đình khai phá, sử dụng từ năm 1993 và đã bị UBND xã thu hồi, giao cho xã Đoàn mượn và nằm trong diện tích đất mà ông cho ông GAC (chồng bà MTX) mượn năm 2013. Sau khi ông C mượn đất nhưng không cánh tác thì vợ chồng a L tự ý canh tác, ông I đã yêu cầu trả đất nhưng a L vẫn cố tình làm và chiếm giữ.

Quá trình giải quyết vụ án ông I cung cấp các tài liệu như sau:

- 02 bản phô tô Giấy mượn đất thể hiện người mượn đất là MTS và GAT. Giấy mượn đất cũng thể hiện giáp nhà ông S;

- 01 biên bản về việc giải quyết tranh chấp đất đai ngày 04/5/2000 giữa ông GAS và bà LTH (Vợ ông I) của Đoàn công tác Huyện ủy huyện Sa Pa có sự tham gia của phòng địa chính và UBND xã (BL 29) có nội dung: *“Nguồn gốc khu đất tranh chấp trước đây do ông GAV khai phá làm nương, cùng thời điểm đó có ông GAS có làm một phần đất ở bên dưới để trồng khoai sọ. Biên bản cũng kết luận diện tích đất tranh chấp do ô Scanh tác, sau đó bỏ hoang. Đoàn*

công tác xác định bà H là người xâm canh đất của UBND xã, nên quyết định thu hồi giao cho UBND xã quản lý, sau này xã giao cho ai quyết định sau”.

- 01 quyết định về việc cho xã đoàn SP mượn đất (BL 38);

- 01 quyết định thu hồi đất số 01 ngày 13/6/2000 (BL 36) nội dung: *“thu hồi toàn bộ diện tích đất chỗ biển quảng cáo Victoria đi xuống thuộc địa bàn thôn SP. Tính từ cọc mốc do đoàn giải quyết tranh chấp giữa bà LTH và ông GAS. Đã đóng trở xuống 100m, nếu không có ý kiến của ủy ban thì không ai được sử dụng trên mảnh đất đó”.*

Xét thấy, lời khai của bị đơn và các tài liệu do bị đơn cung cấp còn có nhiều mâu thuẫn. Cụ thể biên bản làm việc của đoàn công tác, quyết định thu hồi đất của UBND xã đã thể hiện rất rõ diện tích đất trên đã được giải quyết, thu hồi giao cho xã quản lý, nhưng ông I lại cho rằng cho ông GAC mượn đất bằng miệng năm 2013, sau đó gia đình a L tự ý canh tác. Mặc dù quyết định thu hồi đất năm 2000 của UBND xã là không đúng thẩm quyền nhưng sau khi ban hành cho đến nay 23 năm, các đương sự cũng không có khiếu nại gì. Đối với 02 giấy cho mượn diện tích đất đang tranh chấp với hai hộ gia đình chị Má Thị Xú (BL 128, 129) là giấy viết tay phôi tô, không có công chứng, chứng thực). Cụ thể, ngày 30/3/2016 cho chị MTS trú tại: Thôn SP, xã SP, huyện Sa Pa, mượn 2.700m² và ngày 02/4/2016 cho anh GAT cũng cùng thôn SP, xã SP, huyện Sa Pa mượn khoảng 3.000 m². Tuy nhiên qua lời khai của chị MTX BL 118) và anh GATI (BL 113), anh GAT (chồng chị MTX) (BL114) thì những người làm chứng đều khẳng định chưa bao giờ mượn đất của vợ chồng ông I và bà H, trong giấy viết mượn đất thể hiện bà có chữ ký của bà Xi nhưng ông Giàng A Tỏa là chồng của bà MTX khẳng định bà X không biết chữ, chỉ điểm chỉ.

Đối với GCNQSDĐ do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 30/7/1993 mang tên ông BDI(Đất ở, diện tích 100m²). Diện tích đất tranh chấp là đất trồng cây hàng năm nên không có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp đã được cấp GCNQSDĐ cho ông I.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2023 người làm chứng ông GAS (BL 112-113) xác nhận giữa gia đình và ông I có xảy ra tranh chấp đất đai với nhau nhưng là vị trí khác.

Người làm chứng ông GAS (BL 113), anh GAT (BL 115) và anh GAT (BL 114) đều trình bày nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa gia đình ông I với gia đình a L do ông GAV (bố anh GAC) khai phá sử dụng từ lâu, sau đó thấy ông GAS (bố anh GAL) sử dụng, con giữa ông V và ô S cho nhau hay mua bán trao đổi thế nào họ không rõ, khoảng năm 2004 a L lấy vợ, ô S chia đất cho a L làm nhà ra ở riêng, tại thửa đất giáp đường quốc lộ 4D và canh tác thửa đất đang tranh chấp từ khi đó đến nay (a L đã trồng một số cây ăn quả như cây đào, cây chanh). Lời khai của những người làm chứng phù hợp với biên bản về việc giải quyết tranh chấp đất đai ngày 04/5/2000 giữa ông GAS và bà LTH (Vợ ông I).

[3.1.2] Về quá trình sử dụng đất:

Ông I cung cấp 01 đơn xin tham gia dự án đầu tư hỗ trợ trồng rừng sản xuất, hợp đồng trồng rừng sản xuất với Ban quản lý rừng phòng hộ Sa Pa giao cho hộ ông I trồng cây Sa Mộc. Tuy nhiên, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định diện tích đất tranh chấp không có cây Sa mộc. Qua lời khai của những người làm chứng, nguyên đơn thì thửa đất tranh chấp từ trước đến nay chỉ trồng ngô và lạc, không có ai trồng cây Sa mộc (Thông gai). Theo lời khai của anh Giảng A Tỏa (BL 115), ông GAS (BL 111) thì chỉ thấy nhà ông I trồng cây Sa Mộc ở đất gần nhà ông I chứ không phải trên diện tích đất hiện đang tranh chấp. Ông GAS (BL12) khai thấy a L sử dụng cách đây khoảng gần 20 năm, sử dụng liên tục để trồng cây chanh và mấy bụi Tre. Lời khai của các nhân chứng và nguyên đơn phù hợp với nhau về hiện trạng trên đất, quá trình sử dụng từ trước đến nay. Do vậy, có căn cứ để xác định anh GAL canh tác, trồng cây trên thửa đất đang tranh chấp.

[3.1.3] Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất:

Trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định năm 2015 nguyên đơn đã đăng ký, kê khai và được nhà nước đo đạc địa chính, đến năm 2018 nhà nước nghiệm thu bản đồ, thửa đất nêu trên đã được quy chủ cho anh GAL tại thửa số 250 tờ bản đồ số DC 18, loại đất trồng cây lâu năm (CLN).

Qua kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2023 của TAND thị xã Sa và lồng ghép thì thửa đất đang tranh chấp giữa gia đình a L và gia đình ông I thì thực tế thửa đất tranh chấp có diện tích là 427,4m² tại bản đồ DC 18, trong đó: Có 49,7m² nằm trong thửa đất số 250, quy chủ mang tên GAL là loại đất trồng cây lâu năm (CLN); Có 365,5m² nằm trong thửa đất số 293 quy chủ mang tên ông GAC là loại đất trồng cây lâu năm (CLN); Có 12,2 m² nằm trong thửa đất số 226 quy chủ mang tên ông GAS và bà HTK là loại đất ở đô thị (ODT). Tuy nhiên qua lời khai của nguyên đơn và những người làm chứng đều thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp do a L quản lý và sử dụng từ lâu, có ranh giới, mốc giới rõ ràng với các thửa đất của các hộ liền kề.

Như vậy, tại bản đồ địa chính, lời khai của nguyên đơn, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ có căn cứ để xác định nguyên đơn đã thực hiện việc kê khai với cơ quan có thẩm quyền. Bản đồ địa chính không thể hiện thửa đất trên được quy chủ cho ông I. Quá trình giải quyết vụ án ông I không cung cấp được giấy tờ chứng minh về việc đăng ký kê khai hay GCNQSDĐ đối với thửa đất trên.

[3.1.4] Từ những phân tích trên đã đủ căn cứ xác định thửa đất đang tranh chấp (427,4m²) là do hộ gia đình a L, chị M quản lý, sử dụng liên tục từ năm 2004 đến nay. Tại cấp phúc thẩm, ông I không cung cấp bổ sung được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông I yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp và buộc a L phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình ông I không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét nội dung kháng cáo về việc công nhận diện tích đất khoảng 5ha như đã được UBND xã SP (cũ) xác nhận thuộc quyền sử dụng của gia đình ông NDI.

Xét thấy yêu cầu này của ông là vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu, không nằm trong nội dung thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Do vậy nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn anh GAL yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc gia đình ông BDI phải chấm dứt tranh chấp và hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên: Buộc ông BDI và bà LTH chấm dứt việc tranh chấp, cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với toàn bộ diện tích đất 427,4 m²; Xác nhận diện tích đất 427,4m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) theo kết quả đo đạc ngày 11/01/2023, địa chỉ thửa đất tại tổ 2, phường SP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình anh GAL và chị TTM.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều khai diện tích đất nêu trên do nguyên đơn đang quản lý sử dụng. Bị đơn không khởi kiện yêu cầu nguyên đơn trả đất tranh chấp, do đó cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là không đúng. Đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất thì tại phiên tòa sơ thẩm (BL 222) bị đơn khai đất là của bị đơn khai phá nên khi nguyên đơn sử dụng thì bị đơn có hành vi cản trở quyền sử dụng đất, nhưng cụ thể hành vi cản trở như thế nào thì bị đơn không trả lời. Tại phiên tòa phúc thẩm, khi được hỏi thì bị đơn, người có quyền lợi liên quan cũng chỉ trả lời có hành vi cản trở quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử đã vào nghị án và quyết định quay lại phần tranh tụng. Khi hỏi thì bị đơn, người có quyền lợi liên quan lại khẳng định trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có hành vi cản trở. Từ khi khi nguyên đơn khởi kiện vụ án đến nay bị đơn không có hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với nguyên đơn. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là không đúng.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy nội dung kháng cáo của ông BDI yêu cầu cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng đất cho bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, vi phạm tố tụng nên đề nghị kháng cáo của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ. Mặt khác, như trên đã phân tích xét thấy hiện nay gia đình bị đơn ông I không có hành vi cản trở việc sử dụng đất và gia đình nguyên đơn a L vẫn đang quản lý, sử dụng đất nên xét thấy cần đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên

nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông BĐI không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông NĐI.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 22/2023/TLPT - DS ngày 11/8/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông BĐI không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu AC - 21P số 0005233 ngày 24/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sa Pa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thị xã Sa Pa;
- Chi cục THADS TX Sa Pa;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long

